

**TỔNG CÔNG TY ĐƯỜNG SẮT VIỆT NAM
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐƯỜNG SẮT KHU VỰC 1**

TỔNG CÔNG TY ĐƯỜNG SẮT VIỆT NAM
BAN QLKCHT ĐƯỜNG SẮT

THẨM ĐỊNH

ĐT được TD theo Văn bản số 311/TĐ-QLHT
Ngày 31 tháng 7 năm 2025
Người thẩm định: Trần Hoàng Hải
Chức vụ: CV
Ký: Hải

**NHIỆM VỤ
KHẢO SÁT, THIẾT KẾ VÀ DỰ TOÁN
BƯỚC: LẬP BÁO CÁO KINH TẾ - KỸ THUẬT**

Công trình:

**Sửa chữa đường sắt đoạn từ Km1261+557 - Km1269+425,
tuyến đường sắt Hà Nội - Tp. Hồ Chí Minh**

*(Hoàn thiện theo Báo cáo thẩm định số 311/TĐ-QLHT ngày 31/7/2025
của Ban Quản lý kết cấu hạ tầng đường sắt)*

Hà Nội, năm 2025

TỔNG CÔNG TY ĐƯỜNG SẮT VIỆT NAM
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐƯỜNG SẮT KHU VỰC 1

TỔNG CÔNG TY ĐƯỜNG SẮT VIỆT NAM
BAN QLKCHT ĐƯỜNG SẮT

THẨM ĐỊNH

ĐT được TD theo Văn bản số: 3M/TA-CULT

Ngày: 31 tháng 7 năm 2025

Người thẩm định: Trần Hoàng Hải

Chức vụ: *OV*

Hai

NHIỆM VỤ
KHẢO SÁT, THIẾT KẾ VÀ DỰ TOÁN
BƯỚC: LẬP BÁO CÁO KINH TẾ - KỸ THUẬT

Công trình:

Sửa chữa đường sắt đoạn từ Km1261+557 - Km1269+425,
tuyến đường sắt Hà Nội - Tp. Hồ Chí Minh

Chủ trì lập nhiệm vụ: Hoàng Quốc Dương *HQD*
CCHN Khảo sát xây dựng, khảo sát địa hình hạng II số: HNT-00117835

Chủ trì dự toán: Dương Chí Dũng *DCD*
CCHN định giá xây dựng Hạng II số: KTE-00170689

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN
ĐƯỜNG SẮT KHU VỰC 1
GIÁM ĐỐC *DMT*

DMT

Đặng Minh Tiên

MỤC LỤC

A - GIỚI THIỆU CHUNG	1
1. Căn cứ lập nhiệm vụ:	1
2. Tên dự án:	2
3. Địa điểm xây dựng:	2
4. Chủ đầu tư:	2
5. Sự cần thiết phải đầu tư:	2
6. Mục tiêu đầu tư:	2
7. Nguồn vốn đầu tư và thời gian thực hiện:	2
B - NHIỆM VỤ KHẢO SÁT XÂY DỰNG	3
1. Mục đích khảo sát xây dựng:	3
2. Phạm vi khảo sát xây dựng:	3
3. Tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về khảo sát xây dựng:	3
4. Nội dung công tác khảo sát:	3
5. Thời gian thực hiện khảo sát xây dựng:	8
C - NHIỆM VỤ THIẾT KẾ - LẬP BÁO CÁO KINH TẾ KỸ THUẬT	9
1. Mục tiêu xây dựng công trình:	9
2. Địa điểm xây dựng công trình:	9
3. Các yêu cầu về quy hoạch, cảnh quan và kiến trúc công trình:	9
4. Danh mục tiêu chuẩn kỹ thuật áp dụng:	9
5. Các yêu cầu về quy mô và thời hạn sử dụng công trình, công năng sử dụng và các yêu cầu kỹ thuật khác đòi hỏi với công trình:	10
6. Chi phí lập Báo cáo kinh tế kỹ thuật:	11
7. Thời gian thực hiện	11
D - DỰ TOÁN CHI PHÍ GIAI ĐOẠN CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ	12
1. Căn cứ lập dự toán:	12
2. Dự toán:	12

**NHIỆM VỤ KHẢO SÁT, THIẾT KẾ VÀ DỰ TOÁN CHI PHÍ
CÁC CÔNG VIỆC GIAI ĐOẠN CHUẨN BỊ DỰ ÁN
BƯỚC: LẬP BÁO CÁO KINH TẾ - KỸ THUẬT**

CÔNG TRÌNH:

**SỬA CHỮA ĐƯỜNG SẮT ĐOẠN TỪ KM1261+557 - KM1269+425,
TUYẾN ĐƯỜNG SẮT HÀ NỘI - TP. HỒ CHÍ MINH**

A - GIỚI THIỆU CHUNG

1. Căn cứ lập nhiệm vụ:

- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; Luật số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng;
- Luật Đường sắt số 95/2025/QH15 ngày 27/6/2025;
- Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;
- Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;
- Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;
- Thông tư số 06/2025/TT-BXD ngày 12/5/2025 của Bộ Xây dựng quy định về quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia;
- Thông tư số 06/2021/TT-BXD ngày 30/6/2021 của Bộ Xây dựng quy định về phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng; số 02/2025/TT-BXD ngày 31/3/2025 của Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 06/2021/TT-BXD ngày 30/6/2021;
- Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;
- Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng ban hành định mức xây dựng; số 09/2024/TT-BXD ngày 30/8/2024, 08/2025/TT-BXD ngày 30/5/2025 sửa đổi, bổ sung một số định mức xây dựng ban hành tại Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021;
- Thông tư số 13/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng hướng dẫn phương pháp xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và đo bóc khối lượng công trình;
- Quyết định số 252/QĐ-BGTVT ngày 26/02/2025 của Bộ Giao thông vận tải về việc phê duyệt điều chỉnh kế hoạch bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia năm 2025 (lần 1); Quyết định số 300/QĐ-BGTVT ngày 28/02/2025 của Bộ Giao thông vận tải về việc điều chỉnh dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2025 - Hoạt động kinh tế đường sắt;
- Quyết định số 111/QĐ-ĐS ngày 22/01/2025 của Tổng công ty Đường sắt Việt Nam về việc giao nhiệm vụ quản lý dự án, giám sát khảo sát, giám sát thi công xây dựng, kiểm toán, quyết toán dự án hoàn thành các công trình sửa chữa định kỳ; kiểm định và các công tác khác; công trình khắc phục hậu quả bão lũ bước 2 và sửa chữa đột xuất trong kế hoạch bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia năm 2025;
- Các văn bản pháp lý khác có liên quan.

2. Tên công trình:

- Sửa chữa đường sắt đoạn từ Km1261+557 - Km1269+425, tuyến đường sắt Hà Nội - Tp. Hồ Chí Minh.

3. Địa điểm xây dựng:

- Đoạn tuyến đường sắt Km1261+557 - Km1269+425, tuyến đường sắt Hà Nội - Thành phố Hồ Chí Minh thuộc địa phận xã Vạn Hưng và xã Bắc Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa.

4. Chủ đầu tư:

- Tổng công ty Đường sắt Việt Nam.

5. Sự cần thiết phải đầu tư:

- Đoạn tuyến từ Km1261+557 - Km1269+425 thuộc khu gian Giã - Hòa Huỳnh, tuyến đường sắt Hà Nội - TP. Hồ Chí Minh; tốc độ chạy tàu trên đoạn tuyến hiện tại 80km/h (theo Công lệnh tốc độ số 01-CD-2023). Trạng thái kiến trúc tầng trên hiện tại đã bị xuống cấp, sử dụng chủ yếu là ray P43 đã mòn nhiều, chủ yếu lắp đặt trên TVBT K3A cóc đàn hồi; nền đá cốt cứng, cụ thể như sau:
 - + Ray: Chủ yếu đặt ray P43 L=12,5m phần lớn ray sử dụng trong thời gian dài xuất hiện tình trạng khuyết tật nặng, mòn mặt và má ray, mặt lằn bị gợn sóng;
 - + Tà vẹt: Chủ yếu đặt TVBT K3A được thay năm 1999; Tà vẹt được sử dụng trên 26 năm đã xuất hiện một số hư hỏng như nứt vỡ không còn đảm bảo chất lượng;
 - + Nền đá ba lát sử dụng lâu năm không đảm bảo tiêu chuẩn: Chiều rộng đá ba lát không đảm bảo kích thước hình học; đá ba lát xuất hiện tròn cạnh, vỡ nát, mất độ đàn hồi. Khả năng thoát nước qua nền đá thấp do bẩn, lẩn bùn đất có kết gây nguy cơ phụt bùn nền đường sắt;
 - + Hệ thống thoát nước xuống cấp, thoát nước kém, một số đoạn rãnh bị hư hại.
 - + Đoạn Km1264+000 - Km1266+000, L=2km, bị xói trôi nền đường năm 2008, đã được bổ đá học nền đường và gia cố bước 1.
 - + Km1268+550 - Km1268+900, L=0,35km, hiện tại là nền đào hai bên, về mùa mưa mái ta luy hai bên thường sảy ra hiện tượng biến dạng, chảy sệ lấp rãnh biên; có nguy cơ mất an toàn chạy tàu trên tuyến.
- Vì vậy, việc sửa chữa đường sắt đoạn từ Km1261+557 - Km1269+425, tuyến đường sắt Hà Nội - Tp. Hồ Chí Minh nhằm đảm bảo an toàn và nâng cao tốc độ chạy tàu, góp phần cải thiện chất lượng phục vụ và năng lực vận tải đường sắt qua đoạn tuyến là hết sức cần thiết.

6. Mục tiêu đầu tư:

- Nâng cao chất lượng công trình, khắc phục những hư hỏng trong quá trình khai thác, đảm bảo việc duy trì kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia được thường xuyên, liên tục nhằm đảm bảo an toàn khai thác vận tải đường sắt.

7. Nguồn vốn đầu tư và thời gian thực hiện:

- Nguồn vốn: Ngân sách nhà nước chi cho hoạt động kinh tế đường sắt (Theo Quyết định giao dự toán bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia của Bộ GTVT).
- Thời gian thực hiện: Năm 2025 - 2026 (Theo Quyết định phê duyệt kế hoạch bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia của Bộ GTVT).

B - NHIỆM VỤ KHẢO SÁT XÂY DỰNG

1. Mục đích khảo sát xây dựng:

- Mục đích của công tác khảo sát nhằm thu thập đầy đủ những số liệu phục vụ công tác lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật công trình: Sửa chữa đường sắt đoạn từ Km1261+557 - Km1269+425, tuyến đường sắt Hà Nội - Tp. Hồ Chí Minh.

2. Phạm vi khảo sát xây dựng:

- Khảo sát địa hình, khảo sát thông tin, tín hiệu và các công trình liên quan khu vực đường sắt đoạn từ Km1261+557 - Km1269+425, tuyến đường sắt Hà Nội - Tp. Hồ Chí Minh, thuộc địa phận xã Vạn Hưng và xã Bắc Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa.

3. Tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về khảo sát xây dựng:

- QCVN 11:2008/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về xây dựng lưới độ cao;
- QCVN 04:2009/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về xây dựng tọa độ;
- QCVN 06:2018/BGTVT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tín hiệu đường sắt;
- QCVN 08:2018/BGTVT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khai thác đường sắt;
- TCVN 4419:1987 Khảo sát cho xây dựng - Nguyên tắc cơ bản;
- TCVN 9398:2012 Công tác trắc địa trong xây dựng công trình;
- TCCS 01:2011/VNRA Quy trình khảo sát đường sắt;
- 96 TCN 43:1990 Qui phạm đo vẽ bản đồ địa hình;
- Thông tư 68/2015/TT-BTNMT ngày 22/12/2015 Quy định kỹ thuật đo đạc trực tiếp địa hình phục vụ thành lập bản đồ địa hình và cơ sở dữ liệu nền địa lý tỷ lệ 1:500, 1:1000, 1:2000, 1:5000;
- Các quy trình, quy phạm liên quan hiện hành.

4. Nội dung công tác khảo sát:

- Khảo sát địa hình;
- Khảo sát thông tin, tín hiệu;
- Điều tra, khảo sát.

4.1. Khảo sát địa hình:

a) Lưới đường chuyên cấp 2 và lưới cao độ kỹ thuật:

- Kiểm tra, đo đạc lại toàn bộ hệ thống đường chuyên, mốc cao độ phục vụ công tác khảo sát thiết kế. Trường hợp bị hỏng mất phải khôi phục lại.
- Lưới đường chuyên cấp 2: Trên cơ sở đường chuyên cấp 2 còn lại của dự án: “Lập lại trật tự hành lang an toàn trên các tuyến đường sắt theo quyết định 1856 của Thủ tướng chính phủ” tiến hành khôi phục các đường chuyên đã bị hư hỏng hoặc mất bằng máy toàn đạc điện tử. Yêu cầu về đường chuyên cấp 2 mới bổ sung phải đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật, chất lượng theo quy định tại Quy phạm đo vẽ bản đồ 96TCN 43-90.
- Quy cách và kích thước mốc:
 - + Mặt mốc : 20cm x 20cm;
 - + Đáy mốc : 30cm x 30cm;
 - + Chiều cao mốc : 40cm;
 - + Bệ mốc : 30cm x 30cm x 10cm;
 - + Vật liệu làm mốc : Bê tông M200;
 - + Tim mốc : Bằng sứ.



- Khối lượng dự kiến: 16 m³.
- Lưới cao độ kỹ thuật:
 - + Lưới cao độ kỹ thuật được đo bằng máy thủy bình có độ chính xác đáp ứng yêu cầu kỹ thuật.
 - + Sử dụng hệ thống mốc đường chuyền cấp 2 còn lại của dự án: “Lập lại trật tự hành lang an toàn trên các tuyến đường sắt theo quyết định 1856 của Thủ tướng chính phủ” và các đường chuyền cấp 2 được khôi phục (nếu có), lập lại lưới cao độ kỹ thuật bằng phương pháp đo cao hình học, sai số đo đạc khép giữa các mốc được tính bằng: Sai số khép $f_h \leq \pm 30\sqrt{L}$ mm (L là đường dẫn độ cao được tính bằng Km).

b) Đo cự ly, lý trình:

- Góc lý trình: Dẫn từ cọc Km quản lý gần nhất tại hiện trường để đo đạc cho toàn bộ công trình.
- Các điểm phải xác định lý trình: tại lý trình (+000, +025, +050, +075, +100, cọc Km;...); các cọc tim ghi; tim ga; các cọc chủ yếu đường cong (NĐ, TĐ, PG, TC, NC) trên đường chính tuyến (nếu có), (TĐ, PG, TC) trên các đường ga; các vị trí thay đổi địa hình; tim cầu, mố, trụ cầu; tim công; tim đường ngang; hầm chui; giao cắt đường điện và các giao cắt khác (nếu có)...

c) Đo vẽ bình đồ:

- Tỷ lệ bình đồ: 1/1000;
- Phạm vi đo: Phạm vi dự kiến xây chân khay, kè ốp mai taluy nền đường, cụ thể:
 - + Theo phương dọc tuyến:
 - ✓ Đoạn 1: Từ Km1264+000 đến Km1266+000 có chiều dài L=2000m
 - ✓ Đoạn 2: Từ Km1268+550 đến Km1268+900 có chiều dài L=350m.
 - + Theo phương ngang tuyến: Đo vẽ bình đồ từ tim đường sắt trở ra mỗi bên 15m.
 - + Yêu cầu kỹ thuật: Bình đồ phải thể hiện đầy đủ tim đường, địa hình, địa vật, các công trình nổi, công trình ngầm, đường dây cao hạ thế, đường thông tin liên lạc đường sắt, các quy hoạch có liên quan, vị trí ao hồ, hệ thống kênh mương và đàng đất ngoài thực địa, những địa vật đặc biệt, các di tích lịch sử, đền thờ, miếu mạo, nghĩa trang, hệ cọc cầu...

- Khối lượng dự kiến: $(2000+350) \times 30 / 10000 = 7,05 \text{ ha}$.

d) Đo vẽ trắc dọc đường sắt:

- Tỷ lệ đo vẽ: Dài: 1/1000; cao: 1/100.

- Phạm vi đo vẽ:

+ Đường chính tuyến: Từ Km1261+557 - Km1269+425 và đo thêm mỗi đầu 200m để phục vụ nâng chèn vượt dốc, trường hợp gặp đường cong phải đo hết phạm vi đường cong;

+ Đường ga - ga Hòa Quỳnh: Từ tim ghi N1 và N3 về phía Tp. Hồ Chí Minh 150m.

- Đi cao đạc chi tiết đỉnh ray tại các điểm có viết sơn ghi lý trình tại mục “**b. Đo cự ly, lý trình**”, các điểm thay đổi địa hình thiên nhiên, các điểm khống chế, các vị trí đường ngang, cầu cống, giao cắt dây điện, giao cắt dây thông tin đường sắt....
- Cao độ: Là cao độ đỉnh ray trái (trên đường thẳng) hoặc cao độ đỉnh ray bụng (trên đường cong). Cao độ phải đi 2 lần, sai số giữa các lần đo nằm trong sai số cho phép.
- *Khối lượng dự kiến: $(1269425-1261557+200x2+150x2)/1000=8,568km$.*

e) Đo vẽ trắc ngang đường sắt:

- Tỷ lệ đo vẽ: 1/200.

- Phạm vi đo vẽ:

+ Theo phương dọc tuyến: Đo vẽ trắc ngang đường sắt tại các điểm lý trình chẵn 25m/1 điểm và các điểm đo chi tiết đã được xác định trên trắc dọc, đảm bảo cự ly tối đa giữa các trắc ngang là 25m.

+ Theo phương ngang tuyến: Đối với nền đường đào, nền đường đắp: Từ chân taluy đường đắp hoặc đỉnh taluy nền đào ra mỗi bên 5m; Đối với nền đường không đào, không đắp: Từ mép ray ngoài cùng hoặc mép rãnh biên ra mỗi bên 5m.

- Trắc ngang phải thể hiện rõ địa hình, địa vật, các công trình đặc biệt, các điểm thay đổi địa hình, tim các đường (nếu có), đỉnh rãnh, đáy rãnh ... và thể hiện ghi chú các công trình có liên quan trong phạm vi khảo sát (cáp quang, rãnh ngầm, ...).
- *Khối lượng dự kiến: $[(1269425-1261557-2000-350)/25x20 + (2000+350)/25x30 + (3x5+16+4+5x2+7)x20]/1000 = 8,274km$.*

Ghi chú: Đoạn tuyến có 3 đường cong (đo vẽ trắc ngang tại NĐ, TĐ, PG, TC, NC); dự kiến có 16 vị trí thay đổi địa hình (nền đào, đắp, không đào, không đắp); có 04 đường ngang (đo vẽ trắc ngang tại tim đường ngang); có 06 cầu (đo vẽ trắc ngang tại hai mép mô); có 07 cống (đo vẽ trắc ngang tại tim cống); Các trắc ngang đo vẽ trung bình từ tim đường sắt ra mỗi bên 10m, riêng phạm vi từ Km1264+000 đến Km1266+000 và từ Km1268+550 đến Km1268+900 đo từ tim đường sắt ra mỗi bên 15m).

f) Khảo sát đường ngang:

- Sơ họa mặt bằng khu vực đường ngang; Điều tra loại hình phòng vệ, sơn vạch kẻ đường, tình trạng kết cấu mặt đường bộ hiện tại, số liệu tầm đan và hệ thống liên kết tầm đan đường ngang; điều tra kích thước tầm đan và chất lượng tầm đan trong phạm vi khảo sát nhằm phục vụ công tác thay ray, thay tầm đan và liên kết tầm đan.
- *Khối lượng dự kiến: 01 công/ĐN x 04 ĐN = 04 công.*

g) Khảo sát cầu:

- Đo vẽ, điều tra chi tiết bố trí chung toàn cầu, trên bố trí chung phải thể hiện đủ: chiều dài toàn cầu, chiều dài nhịp, khoảng cách giữa các nhịp, khoảng cách giữa các dầm dọc, dầm ngang, ray chính, ray hộ bánh, ray gờ, khoảng cách giữa các ray, bố trí tà vẹt trên cầu, chi tiết liên kết ray với tà vẹt, liên kết tà vẹt với dầm, cao độ đỉnh ray, đỉnh dầm... phục vụ công tác cải tạo hệ mặt cầu;

- Dầm cầu: Đo vẽ hình dạng, kích thước chính của dầm; Đo vẽ kích thước, tiết diện các thanh dầm chủ của dầm (dầm dọc, dầm ngang, thanh đứng, thanh xiên, thanh biên trên,...); Đánh giá tổng thể mức độ hư hỏng và xác định vị trí nứt của dầm (nếu có); Điều tra hư hỏng của mặt cầu đường sắt.
- *Khối lượng dự kiến: 4 cầu x 1 công/1 cầu = 4 công.*

h) Khảo sát cống:

- Đo vẽ chi tiết trắc dọc cống, chi tiết tường đầu, tường cánh, cửa cống của toàn bộ các cống thoát nước (vật liệu, cao độ: cống, tường đầu, tường cánh; cao độ tường đầu cống).
- *Khối lượng dự kiến: 09 cống x 1 công/2 cống = 4,5 công.*

4.2. Khảo sát thông tin, tín hiệu:

- Phạm vi khảo sát: Từ Km1261+557 - Km1269+425, L=7,868km.
- Khảo sát thiết bị tín hiệu lắp đặt trên ray (mạch điện đường ray, cảm biến).
 - + *Khối lượng dự kiến: 02 công.*
- Khảo sát tuyến cáp TTTH chôn: Điều tra, khảo sát tuyến cáp thông tin, tín hiệu, điện, cáp quang, chôn ngầm trong phạm vi đoạn tuyến, cụ thể như sau:
 - + Điều tra, xác định vị trí tuyến cáp chôn;
 - + Xác định số lượng, chủng loại và tính chất sử dụng của các loại cáp chôn;
 - + Điều tra, thu thập dữ liệu liên quan đến các loại cáp chôn từ đơn vị quản lý;
 - + Sơ bộ xác định phương án di dời cáp chôn phục vụ thi công rãnh (nếu có).
 - + *Khối lượng dự kiến: 02 công/Km x 7,868km = 16 công.*

4.3. Điều tra, khảo sát:

a) Điều tra kiến trúc tầng trên đường sắt:

- Điều tra ray: Điều tra, đánh giá về chủng loại, số lượng thanh ray hư hỏng, khuyết tật, số lượng thanh ray còn sử dụng được, tình trạng hư hỏng, khuyết tật của các thanh ray hiện tại theo các quy định của tiêu chuẩn TCCS 07:2022/VNRA.
- Điều tra ghi:
 - + Điều tra đo vẽ kích thước hình học của nền đá ba lát của các bộ ghi theo các nội dung: Bề rộng mặt và bề rộng chân đá ba lát, chiều dày nền đá ba lát.
 - + Điều tra chi tiết các bộ ghi:
 - ✓ Điều tra loại ghi và loại ray, số ghi, chiều dài ghi, loại máy bẻ ghi, nhà gác ghi, lý trình tim ghi, theo biểu D7 của TCCS 01:2011/VNRA về công tác khảo sát đường sắt;
 - ✓ Đánh giá chất lượng của ghi theo biểu 17 điều 68 và điều 69 của TCCS 01:2011/VNRA về công tác khảo sát đường sắt;
 - ✓ Điều tra liên kết trong ghi, độ mòn ray ghi, tà vẹt ghi;
 - ✓ Thiết bị chống xô trong ghi.
- Điều tra tà vẹt: Điều tra, đánh giá về chủng loại tà vẹt và phụ kiện đồng bộ, phân loại dùng được hoặc khuyết tật theo các quy định tại tiêu chuẩn TCCS 07:2022/VNRA.
- Điều tra phụ kiện: Điều tra, đánh giá về chủng loại, số lượng, chất lượng phụ kiện nối giữ ray với ray, ray với tà vẹt và phải thống kê phân loại tốt xấu.
- Điều tra đá ba lát: Điều tra, đánh giá về kích thước nền đá, chiều dày, tỷ lệ đá ba lát sử dụng lại.

- Điều tra nền đường: Điều tra, đánh giá phạm vi nền đường hư hỏng (phốt bùn, túi đá, các hiện tượng đặc biệt khác...); rãnh xương cá, rãnh ngang... (nếu có).
- Điều tra biển báo, cọc báo: Điều tra, đánh giá về hệ thống cọc báo, biển báo, kết quả điều tra phải được thống kê cho từng loại, số lượng còn tốt và hư hỏng.
- Điều tra các vị trí đường dây điện, dây TTTT giao cắt với đường sắt: Điều tra, khảo sát về lý trình và cao độ đỉnh ray hiện có tại các vị trí đường dây điện, dây TTTT cắt qua đường sắt, cao độ tĩnh không hiện tại từ đỉnh ray đến dây điện, dây TTTT thấp nhất.
- Điều tra, khảo sát về cáp quang và các công trình ngầm khác trong phạm vi khảo sát (nếu có).
- Khối lượng dự kiến: $7,868\text{km} \times 02 \text{ công/Km} = 16 \text{ công}$

b) Công tác điều tra, thu thập các số liệu liên quan:

- Điều tra thu thập số liệu các công trình liên quan; khảo sát bãi đổ thải:
 - + Điều tra thu thập số liệu hồ sơ công trình liên quan (nếu có)...
 - + Điều tra công trình ngầm, mương máng thủy lợi và các công trình xây dựng khác (nếu có) yêu cầu mô tả vị trí, kiểu dạng, đặc điểm hoạt động, quy mô xây dựng...
 - + Khảo sát bãi đổ đất thải: Điều tra các vị trí có thể đổ vật liệu thải trong thi công (có xác nhận của địa phương), xác định vị trí trên bản đồ, điều kiện vận chuyển, cự ly đến công trình, khối lượng vật liệu thải có thể đổ...
- Khối lượng dự kiến: 03 công.

4.4. Khối lượng khảo sát dự kiến:

BẢNG TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG KHẢO SÁT DỰ KIẾN

Stt	Hạng mục khối lượng	Đơn vị	Khối lượng	Ghi chú
I	Khảo sát địa hình			
1	Kiểm tra, khôi phục đường chuyên cấp 2	Móc	16	
2	Đo vẽ bình đồ tỷ lệ 1/1000, trên cạn, địa hình cấp III	Ha	7,05	
3	Đo vẽ trắc dọc đường sắt, trên cạn, địa hình cấp III (tuyến cũ)	Km	8,568	
4	Đo vẽ trắc ngang đường sắt, trên cạn, địa hình cấp III	Km	8,274	
5	Khảo sát đường ngang	Công	4,00	
6	Khảo sát cầu	Công	4,00	
7	Khảo sát cống	Công	4,50	
II	Khảo sát TTTT			
1	Khảo sát thiết bị tín hiệu lắp đặt trên ray	Công	2,00	
2	Khảo sát tuyến cáp TTTT chôn	Công	16,00	
II	Điều tra, khảo sát			
1	Điều tra kiến trúc tầng trên đường sắt	Công	16,00	
2	Công tác điều tra, thu thập các số liệu liên quan, điều tra khảo sát bãi đổ thải và các công trình xây dựng khác...	Công	3,00	

THẨM ĐỊNH
 DT được TD theo Văn bản số: 31/TĐ-CLHT
 Ngày: 31...tháng 7...năm 2025
 Người thẩm định: Bùi Văn Hoàng
 Ký tên:

4.5. Chi phí dự toán khảo sát: 318.598.410 đồng.

4.6. Lý trình - Cao độ:

a) Lý trình:

- Dẫn từ cọc Km gần nhất tại hiện trường để đo đạc cho toàn bộ công trình.

b) Cao độ:

- Sử dụng hệ thống đường chuyền cấp 2 còn lại của Dự án: “Lập lại trật tự hành lang an toàn trên các tuyến đường sắt theo quyết định 1856 của Thủ tướng chính phủ” và các đường chuyền được khôi phục (nếu có) để đo đạc cho toàn tuyến.

4.7. Hồ sơ Báo cáo kết quả khảo sát xây dựng:

- Báo cáo kết quả khảo sát tuân thủ theo Điều 33 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng.
- Tập bản vẽ kết quả khảo sát:
 - + Bình đồ: Tỷ lệ 1/1000;
 - + Trắc dọc đường sắt: Tỷ lệ cao 1/100, 1/1000;
 - + Trắc ngang đường sắt: Tỷ lệ 1/200;
 - + Các bản vẽ khác có liên quan: Tỷ lệ từ 1/10 đến 1/500.
- Bảng biểu điều tra; phụ lục kèm theo (nếu có).
- Quy cách hồ sơ: Quy định rõ quy cách, thành phần hồ sơ Báo cáo kết quả khảo sát xây dựng theo đúng quy định.
- Số lượng: Theo quy định của Hợp đồng giữa Chủ đầu tư và Nhà thầu.

5. Thời gian thực hiện khảo sát xây dựng:

- Thời gian thực hiện công tác khảo sát hiện trường và lập hồ sơ Báo cáo kết quả khảo sát: 15 ngày.

C - NHIỆM VỤ THIẾT KẾ - LẬP BÁO CÁO KINH TẾ KỸ THUẬT

1. Mục tiêu xây dựng công trình:

- Nâng cao chất lượng công trình, khắc phục những hư hỏng trong quá trình khai thác, đảm bảo việc duy trì kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia được thường xuyên, liên tục nhằm đảm bảo an toàn khai thác vận tải đường sắt.

2. Địa điểm xây dựng công trình:

- Đoạn tuyến đường sắt Km1261+557 - Km1269+425, tuyến đường sắt Hà Nội - Thành phố Hồ Chí Minh thuộc địa phận xã Vạn Hưng và xã Bắc Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa.

3. Các yêu cầu về quy hoạch, cảnh quan và kiến trúc công trình:

- Phù hợp với quy hoạch phát triển GTVT đường sắt đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.
- Phù hợp với kế hoạch bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt năm 2025 đã được Bộ GTVT phê duyệt tại Quyết định số 252/QĐ-BGTVT ngày 26/02/2025.

4. Danh mục tiêu chuẩn kỹ thuật áp dụng:

- QCVN 08:2018/BGTVT Quy chuẩn Quốc gia về khai thác Đường sắt;
- QCVN 06:2018/BGTVT Quy chuẩn Quốc gia về tín hiệu giao thông đường sắt;
- TCVN 8893:2020 Quy chuẩn Quốc gia về cấp kỹ thuật đường sắt;
- TCVN 11793:2017 Đường sắt khổ 1000mm - Yêu cầu thiết kế tuyến;
- TCVN 5574:2012 Kết cấu bê tông và BTCT - Tiêu chuẩn thiết kế;
- TCVN 7570:2006 Cốt liệu dùng cho bê tông và vữa - Yêu cầu kỹ thuật;
- TCVN 7572:2006 Cốt liệu dùng cho bê tông và vữa - Phương pháp thử;
- TCVN 4506:2012 Nước trộn bê tông và vữa - Yêu cầu kỹ thuật;
- TCVN 2682:2020 Xi măng Pooc lăng;
- TCVN 1651-1:2018 Thép cốt bê tông - Phần 1: Thép thanh tròn trơn;
- TCVN 1651-2:2018 Thép cốt bê tông - Phần 2: Thép thanh vằn;
- TCCS 01:2009/VNRA Thiết kế, thi công và nghiệm thu công trình thông tin tín hiệu đường sắt;
- TCCS 01:2013/VNRA Tiêu chuẩn thi công và nghiệm thu nền đường sắt;
- TCCS 01:2025/VNRA Tà vệt sợi tổng hợp - Yêu cầu kỹ thuật, phương pháp thử, thi công và nghiệm thu;
- TCCS 02:2009/VNRA Tiêu chuẩn nghiệm thu kiến trúc tầng trên đường sắt (phần đại tu và xây dựng mới);
- TCCS 03:2022/VNRA Tiêu chuẩn nghiệm thu kiến trúc tầng trên đường sắt (phần duy tu và bảo quản);
- TCCS 04:2022/VNRA Tiêu chuẩn cơ sở vật tư, vật liệu, phụ kiện sử dụng trong công tác bảo trì đường sắt;
- TCCS 07:2022/VNRA Tiêu chuẩn cơ sở bảo trì công trình đường sắt thường (Bảo trì và nghiệm thu sản phẩm);
- TCCS 08:2022/VNRA Tiêu chuẩn cơ sở bảo trì công trình thông tin đường sắt (bảo trì và nghiệm thu sản phẩm);

- TCCS 09:2022/VNRA Tiêu chuẩn cơ sở bảo trì công trình tín hiệu đường sắt (bảo trì và nghiệm thu sản phẩm);
- TCCS 10:2022/VNRA Tiêu chuẩn vật tư, vật liệu, thiết bị, linh kiện sử dụng trong công tác bảo trì công trình Thông tin tín hiệu đường sắt;
- Thông tư số 29/2023/TT-BGTVT ngày 29/9/2023 Quy định về đường ngang và cấp giấy phép xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi đất dành cho ĐS;
- Quy trình chạy tàu và công tác dồn đường sắt của Tổng công ty Đường sắt Việt Nam ban hành theo Quyết định số 893/QĐ-ĐS ngày 09/7/2018;
- Quy trình bảo trì kết cấu hạ tầng Đường sắt của Bộ Giao thông vận tải ban hành kèm theo Quyết định số 2320/QĐ-BGTVT ngày 30/6/2015;
- Các quy trình, quy phạm, tiêu chuẩn hiện hành có liên quan.

5. Các yêu cầu về quy mô và thời hạn sử dụng công trình, công năng sử dụng và các yêu cầu kỹ thuật khác đối với công trình:

5.1 Loại, cấp công trình:

- Loại công trình: Công trình giao thông đường sắt (theo Mục IV, Phụ lục I - Nghị định 06/2021/NĐ-CP).
- Cấp công trình: Cấp II (theo Bảng 1.4, Phụ lục I - Thông tư 06/2021/TT-BXD).

5.2 Quy mô đầu tư xây dựng:

- Sửa chữa, cải tạo KTTT đường sắt, thay thế ray cũ, tà vẹt cũ đã hư hỏng, khuyết tật bằng ray mới, tà vẹt mới theo tiêu chuẩn kỹ thuật hiện hành;
- Gia cố lại nền đường;
- Gia cố ốp mái ta luy 2 bên.
- Cải tạo, sửa chữa các công trình liên quan cho đồng bộ: Thông tin, tín hiệu, nền đường, rãnh thoát nước,...

5.3 Thời hạn sử dụng công trình:

- Công trình sử dụng lâu dài.

5.4 Hồ sơ Báo cáo kinh tế kỹ thuật:

5.4.1. Nội dung hồ sơ:

- Nội dung hồ sơ Báo cáo kinh tế kỹ thuật xây dựng công trình tuân thủ theo đúng quy định Điều 55 Luật xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; Điều 40 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng.

5.4.2. Quy cách hồ sơ:

- Quy cách hồ sơ Báo cáo kinh tế kỹ thuật tuân thủ theo Điều 37 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng.

a) Hồ sơ giao nộp:

- Thuyết minh (Đóng quyển A4);
- Thiết kế bản vẽ thi công (Đóng quyển A3);
- Bảng tính (nếu có, đóng quyển A4);

- Chỉ dẫn kỹ thuật (Đóng quyển A4);
- Tổng mức đầu tư xây dựng công trình (Đóng quyển A4).

b) Số lượng hồ sơ giao nộp: Theo hợp đồng.

6. Chi phí lập Báo cáo kinh tế kỹ thuật:

- Chi phí lập Báo cáo kinh tế kỹ thuật: 1.116.474.354 đồng

7. Thời gian thực hiện:

- Thời gian thực hiện lập Báo cáo kinh tế kỹ thuật là: 30 ngày.
- Tổng thời gian thực hiện công tác khảo sát, lập Báo cáo kinh tế kỹ thuật là: 35 ngày.

TT	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện (ngày)		Ghi chú
		15	20	
1	Khảo sát hiện trường và lập Báo cáo kết quả khảo sát xây dựng			15 ngày
2	Lập Báo cáo kinh tế kỹ thuật			30 ngày
3	Tổng cộng	35 ngày		

D - DỰ TOÁN CHI PHÍ GIAI ĐOẠN CHUẨN BỊ DỰ ÁN

1. Căn cứ lập dự toán:

- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; Luật số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng;
- Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật xây dựng về quản lý hoạt động đầu tư xây dựng;
- Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;
- Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;
- Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng ban hành định mức xây dựng; số 09/2024/TT-BXD ngày 30/8/2024, 08/2025/TT-BXD ngày 30/5/2025 sửa đổi, bổ sung một số định mức xây dựng ban hành tại Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021;
- Thông tư số 13/2021/TT-BXD ngày 31/08/2021 của Bộ Xây dựng hướng dẫn phương pháp xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và đo bóc khối lượng công trình;
- Thuế giá trị gia tăng đưa vào dự toán theo Thông tư số 129/2008/TT-BTC ngày 26/12/2008 hướng dẫn thi hành Nghị định số 123/2008/NĐ-CP ngày 08/12/2008 của Chính phủ;
- Nghị định số 15/2022/NĐ-CP ngày 18/1/2022 của Chính Phủ về Quy định chính sách miễn, giảm thuế theo Nghị Quyết số 43/2022/QH15 của Quốc Hội về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ chương trình phục hồi và phát triển kinh tế xã hội;
- Giá vật liệu theo Đơn giá khảo sát xây dựng tỉnh Phú Yên ban hành kèm Quyết định số 2059/QĐ-UBND ngày 10/12/2020 của UBND tỉnh Phú Yên; đơn giá khảo sát xây dựng tỉnh Khánh Hòa ban hành kèm Quyết định số 669/QĐ-UBND ngày 20/03/2014 của UBND tỉnh Khánh Hòa ;
- Văn bản số 4548/SXD-HĐXD ngày 29/11/2024 của sở Xây dựng tỉnh Khánh Hòa về việc Công bố đơn giá nhân công xây dựng; giá ca máy và thiết bị thi công trên địa bàn tỉnh; Quyết định số 109/QĐ-SXD ngày 27/11/2023 của UBND tỉnh Phú Yên về việc Công bố đơn giá nhân công xây dựng trên địa bàn tỉnh Phú Yên
- Giá ca máy theo Thông tư số 13/2021/TT-BXD ngày 31/08/2021 của Bộ Xây Dựng.

2. Dự toán:

- Dự toán chi phí giai đoạn chuẩn bị dự án (đã bao gồm thuế GTGT 8%):
1.719.963.501 đồng.

(Bằng chữ: Một tỷ, bảy trăm mười chín triệu, chín trăm sáu mươi ba nghìn, năm trăm lẻ một đồng./.)

- Trong đó:

+ Chi phí lập nhiệm khảo sát	:	8.849.956	đồng;
+ Chi phí khảo sát	:	318.598.410	đồng;
+ Chi phí giám sát khảo sát	:	12.012.340	đồng;
+ Chi phí lập báo cáo Kinh tế kỹ thuật	:	1.116.474.354	đồng;

+ Chi phí thẩm tra báo cáo KTKT	:	171.125.417	đồng;
+ Chi phí lập HSMT, đánh giá HSDT	:	6.000.000	đồng;
+ Chi phí thẩm định HSMT, thẩm định KQLCNT	:	5.000.000	đồng;
+ Chi phí dự phòng	:	81.903.024	đồng.

Số: 1159/QĐ-ĐS

Hà Nội, ngày 05 tháng 8 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Nhiệm vụ khảo sát, thiết kế và dự toán chi phí thực hiện các công việc giai đoạn chuẩn bị dự án công trình: Sửa chữa đường sắt đoạn từ Km1261+557 – Km1269+425, tuyến đường sắt Hà Nội - Tp. Hồ Chí Minh

TỔNG GIÁM ĐỐC TỔNG CÔNG TY ĐƯỜNG SẮT VIỆT NAM

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014 của Quốc hội; Luật số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 06/2025/TT-BGTVT ngày 12/5/2025 của Bộ Xây dựng quy định về quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ xây dựng về việc hướng dẫn xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng ban hành định mức xây dựng; Thông tư số 13/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng hướng dẫn phương pháp xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và đo bóc khối lượng công trình;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Đường sắt Việt Nam ban hành theo Nghị định số 11/2018/NĐ-CP ngày 16/01/2018 của Chính Phủ;

Căn cứ Quyết định số 648/QĐ-ĐS ngày 27/6/2024 của Tổng công ty Đường sắt Việt Nam về việc ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý kết cấu hạ tầng đường sắt;

Căn cứ Quyết định số 252/QĐ-BGTVT ngày 26/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc phê duyệt điều chỉnh kế hoạch bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia năm 2025 (lần 1); Quyết định số 300/QĐ-BGTVT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc điều chỉnh dự toán chi ngân sách nhà nước

năm 2025 – Hoạt động kinh tế đường sắt;

Căn cứ Quyết định số 111/QĐ-ĐS ngày 22/01/2025 của Tổng công ty Đường sắt Việt Nam về việc giao nhiệm vụ quản lý dự án, giám sát khảo sát, giám sát thi công xây dựng, kiểm toán, quyết toán dự án hoàn thành các công trình sửa chữa định kỳ; kiểm định và các công tác khác; công trình khắc phục hậu quả bão lũ bước 2 và sửa chữa đột xuất trong Kế hoạch bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia năm 2025;

Xét Tờ trình số 503/TTr-DA1 ngày 16/7/2025 của Ban Quản lý dự án đường sắt khu vực 1 (Kèm theo hồ sơ Nhiệm vụ khảo sát, thiết kế và dự toán) về việc thẩm định, phê duyệt Nhiệm vụ khảo sát, thiết kế và dự toán chi phí thực hiện các công việc giai đoạn chuẩn bị dự án công trình: Sửa chữa đường sắt đoạn từ Km1261+557 – Km1269+425, tuyến đường sắt Hà Nội - Tp. Hồ Chí Minh; Báo cáo kết quả thẩm định số 311/TĐ-QLHT ngày 31/7/2025 của Ban Quản lý kết cấu hạ tầng đường sắt;

Theo đề nghị của Trưởng Ban Quản lý kết cấu hạ tầng đường sắt.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Nhiệm vụ khảo sát, thiết kế và dự toán chi phí thực hiện các công việc giai đoạn chuẩn bị dự án công trình: Sửa chữa đường sắt đoạn từ Km1261+557 – Km1269+425, tuyến đường sắt Hà Nội - Tp. Hồ Chí Minh với các nội dung như sau:

I. Thông tin chung

1.1 Tên công trình: Sửa chữa đường sắt đoạn từ Km1261+557 – Km1269+425, tuyến đường sắt Hà Nội - Tp. Hồ Chí Minh.

1.2 Nguồn vốn: Ngân sách Nhà nước chi cho hoạt động kinh tế đường sắt.

1.3 Thời gian thực hiện dự án: Năm 2025 – 2026.

II. Nội dung khảo sát

2.1 Khối lượng khảo sát:

STT	Hạng mục khối lượng	Đơn vị	Khối lượng	Ghi chú
I	Khảo sát địa hình			
1	Kiểm tra, khôi phục đường chuyền cấp 2	Mốc	16	
2	Đo vẽ bình đồ tỷ lệ 1/1000, trên cạn, địa hình cấp III	Ha	7,05	
3	Đo vẽ trắc dọc đường sắt, trên cạn, địa hình cấp III (tuyến cũ)	Km	8,568	
4	Đo vẽ trắc ngang đường sắt, trên cạn, địa hình cấp III	Km	8,274	

STT	Hạng mục khối lượng	Đơn vị	Khối lượng	Ghi chú
5	Khảo sát đường ngang	Công	4,00	
6	Khảo sát cầu	Công	4,00	
7	Khảo sát cống	Công	4,50	
II	Khảo sát TTTH			
1	Khảo sát thiết bị tín hiệu lắp đặt trên ray	Công	2,00	
2	Khảo sát tuyến cáp TTTH chôn	Công	16,00	
III	Điều tra, khảo sát			
1	Điều tra kiến trúc tầng trên đường sắt	Công	16,00	
2	Công tác điều tra, thu thập các số liệu liên quan, điều tra khảo sát bãi đổ thải và các công trình xây dựng khác...	Công	3,00	

2.2 Các nội dung khác: Theo Nhiệm vụ khảo sát, thiết kế và dự toán chi phí thực hiện các công việc giai đoạn chuẩn bị dự án hoàn thiện theo Báo cáo thẩm định số 311/TĐ-QLHT ngày 31/7/2025.

III. Nội dung thiết kế

3.1 Mục tiêu xây dựng công trình: Nâng cao chất lượng kết cấu hạ tầng đường sắt, đảm bảo an toàn chạy tàu.

3.2 Địa điểm xây dựng công trình:

- Đường sắt đoạn từ Km1261+557 – Km1269+425, tuyến đường sắt Hà Nội – Tp. Hồ Chí Minh, thuộc địa phận xã Vạn Hưng và xã Bắc Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa.

3.3. Quy mô, nội dung thiết kế:

- Sửa chữa, cải tạo KTTT đường sắt, thay thế ray cũ, tà vẹt cũ đã hư hỏng, khuyết tật bằng ray mới, tà vẹt mới theo tiêu chuẩn kỹ thuật hiện hành.

- Gia cố lại nền đường;

- Gia cố ốp mái ta luy 2 bên;

- Cải tạo, sửa chữa các công trình liên quan cho đồng bộ: Thông tin, tín hiệu, nền đường, rãnh thoát nước,...

IV. Dự toán chi phí khảo sát, thiết kế và chi phí thực hiện các công việc giai đoạn chuẩn bị dự án (Đã bao gồm 8% thuế GTGT): 1.719.963.501 đồng (Bằng chữ: Một tỷ, bảy trăm mười chín triệu, chín trăm sáu mươi ba nghìn, năm trăm lẻ một đồng)

Trong đó:

- | | |
|---|--------------------|
| - Chi phí lập NVKSTK: | 8.849.956 đồng |
| - Chi phí khảo sát | 318.598.410 đồng |
| - Chi phí giám sát khảo sát | 12.012.340 đồng |
| - Chi phí lập BCKTKT | 1.116.474.354 đồng |
| - Chi phí thẩm tra BCKTKT | 171.125.417 đồng |
| - Chi phí lập HSMT, đánh giá HSDT gói thầu Tư vấn Khảo sát, lập BC KTKT | 6.000.000 đồng |
| - Chi phí thẩm định HSMT, thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu Tư vấn Khảo sát, lập BC KTKT | 5.000.000 đồng |
| - Chi phí dự phòng | 81.903.024 đồng |

Điều 2. Giao Ban Quản lý dự án đường sắt khu vực 1 hoàn thiện hồ sơ Nhiệm vụ khảo sát, thiết kế và dự toán chi phí thực hiện các công việc giai đoạn chuẩn bị dự án công trình theo Báo cáo thẩm định; tổ chức thực hiện các bước theo Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng.

Điều 3. Trưởng Ban Quản lý kết cấu hạ tầng đường sắt, Trưởng Ban Tài chính kế toán, Giám đốc Ban Quản lý dự án đường sắt khu vực 1 và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Tổng giám đốc (để b/c);
- Ban QLĐAĐS KV1 (10);
- Lưu: VT, QLHT.

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
TỔNG GIÁM ĐỐC



Trần Anh Tuấn

